

## I LÝ THUYẾT

### ÔN TẬP

#### 1. Các hàm đã học

Hàm tính tổng

=sum(a,b,c,...)

Hàm tính trung bình cộng

=average(a,b,c,...)

Hàm xác định giá trị cao nhất

=max(a,b,c,...)

Hàm xác định giá trị thấp nhất

=min(a,b,c,...)

Hàm điều kiện lồng nhau

=if(điều kiện 1, giá trị 1, if(điều kiện 2, giá trị 2, ....., if(điều kiện n, giá trị n, còn lại)))

#### 2. Thao tác lọc dữ liệu

B1: Nháy chuột chọn ô tiêu đề trong vùng có dữ liệu cần lọc.

B2: Chọn lệnh  trong nhóm Sort & Filter.

B3: Nháy chuột vào biểu tượng  trên hàng tiêu đề cột có giá trị cần lọc.

B4: Nháy chuột chọn các giá trị dữ liệu cần lọc rồi nhấn OK.

- Để thoát khỏi chế độ lọc ta chọn lại lệnh Filter.

#### - **Để lọc các hàng có giá trị lớn nhất (hay nhỏ nhất):**

B1: Nháy chuột chọn ô tiêu đề trong vùng có dữ liệu cần lọc.

B2: Chọn lệnh  trong nhóm Sort & Filter.

B3: nháy chuột ở mũi tên  trên tiêu đề cột ta còn thấy tùy chọn Number Filter (dữ liệu số) → Top 10 → Chọn **Top** (lớn nhất) hay **Bottom** (nhỏ nhất) → Chọn số hàng cần lọc → Nháy **OK**

#### 3. Tạo biểu đồ

B1: Chọn 1 khối hoặc nhiều khối chứa miền dữ liệu cần tạo biểu đồ.

B2: Trên dải lệnh **Insert**, trong nhóm lệnh **Charts**, nháy chọn 1 dạng biểu đồ:

- **Column**: biểu đồ hình cột.
- **Pie**: biểu đồ hình tròn
- **Line**: Biểu đồ đường gấp khúc

- **Lưu ý**: khi chọn khối nhiều cột ta làm như sau:

Chọn khối cột dữ liệu đầu → nhấn phím **Ctrl** → Chọn khối cột dữ liệu thứ hai

Như vậy, ta đã chọn được 1 lúc 2 cột trên bảng tính.

## II. BÀI TẬP MẪU

**Bài tập:** Lập bảng tính và lưu tên theo cú pháp: STT\_HoTen\_Lop\_TongHop6.xlsx

|    | A                      | B                | C              | D               | E                | F                 | G              | H              |
|----|------------------------|------------------|----------------|-----------------|------------------|-------------------|----------------|----------------|
| 1  | <b>CỬA HÀNG GIA VỊ</b> |                  |                |                 |                  |                   |                |                |
| 2  | <b>STT</b>             | <b>TÊN HÀNG</b>  | <b>MÃ HÀNG</b> | <b>SỐ LƯỢNG</b> | <b>ĐƠN GIÁ</b>   | <b>CHIẾT KHẤU</b> | <b>T. TIỀN</b> | <b>Q. TẶNG</b> |
| 3  | 1                      | Nước Tương       | NT             | 30              | 12000            | 20000             | ?              | ?              |
| 4  | 2                      | Tiêu Xanh        | TX             | 10              | 6000             | 10000             | ?              | ?              |
| 5  | 3                      | Đường Cát Trắng  | DT             | 50              | 18000            | 20000             | ?              | ?              |
| 6  | 4                      | Bột Ngọt         | BN             | 50              | 10000            | 15000             | ?              | ?              |
| 7  | 5                      | Bột Nghệ         | BN             | 10              | 5000             | 10000             | ?              | ?              |
| 8  | 6                      | Hạt nêm          | HN             | 40              | 15000            | 20000             | ?              | ?              |
| 9  | 7                      | Muối Iot         | MI             | 20              | 7000             | 10000             | ?              | ?              |
| 10 | 8                      | Nước Mắm         | NM             | 30              | 20000            | 50000             | ?              | ?              |
| 11 |                        |                  |                |                 |                  |                   |                |                |
| 12 |                        | <b>THẤP NHẤT</b> |                | ?               | <b>BÌNH QUÂN</b> |                   | ?              |                |
| 13 |                        | <b>TỔNG CỘNG</b> |                | ?               | <b>CAO NHẤT</b>  |                   | ?              |                |

**Câu 1:** Tính THẤP NHẤT và TỔNG CỘNG của cột SỐ LƯỢNG, BÌNH QUÂN và CAO NHẤT của cột ĐƠN GIÁ.

→ Trả lời:

Ô D12 gõ: =Min(D3:D10)

Ô D13 gõ: =Sum(D3:D10)

Ô G12 gõ: =Average(E3:E10)

Ô G13 gõ: =Max(E3:E10)

**Câu 2:** Tính T. TIỀN = SỐ LƯỢNG \* ĐƠN GIÁ - CHIẾT KHẤU

→ Trả lời: Ô G3 gõ: =D3\*E3-F3

**Câu 3:** Điền cột Q. TẶNG biết:

- Nếu Mã hàng là "BN" thì Quà tặng là "Ca Nhựa",
- Nếu Mã hàng là "NT" thì Quà tặng là "Hũ Nhựa",
- Nếu Mã hàng là "NM" thì Quà tặng là "Muỗng Inox",
- Ngược lại, để trống.

→ Trả lời: Ô H3 gõ:

=IF(C3="BN","CA NHỰA",IF(C3="NT","HỦ NHỰA",IF(C3="NM","MUỖNG INOX",""))))

**Câu 4:** Lọc ra 3 sản phẩm có chiết khấu cao nhất.

→ Trả lời:

Các bước lọc 3 sản phẩm có chiết khấu cao nhất:

Bước 1: Chọn tiêu đề CHIẾT KHẤU

Bước 2: Chọn lệnh Filer trong nhóm Sort & Filter.

Bước 3: Chọn Number Filter → Top 10 → Chọn số hàng cần lọc là 3 → Nháy OK

**Câu 5:** Vẽ biểu đồ hình cột biểu diễn ĐƠN GIÁ và CHIẾT KHẤU.

→ Trả lời:

Các bước vẽ biểu đồ:

Bước 1: Chọn miền dữ liệu:

-Chọn khối (B2:B10) , khối (E2:E10) và khối (F2:F10)

Bước 2: Mở dải lệnh Insert, trong nhóm lệnh Charts chọn lệnh Line.

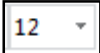
### III. BÀI TẬP VỀ NHÀ

#### 1. TRẮC NGHIỆM

**Câu 1:** Trong Excel, để định dạng phông chữ, cỡ chữ, cỡ chữ, kiểu chữ, màu chữ..., ta nháy chọn các lệnh trong dải lệnh nào:

- a. Dải lệnh Home
- b. Dải lệnh View
- c. Dải lệnh Data
- d. Dải lệnh File

**Câu 2:** Muốn định dạng phông chữ trong Excel, ta nháy chọn lệnh:

- a. Lệnh 
- b. Lệnh 
- c. Lệnh 
- d. Lệnh 

**Câu 3:** Để đặt lề cho trang in, ta mở hộp thoại **Page Setup** và nháy chọn trang:

- a. Margins
- b. Page
- c. Header/ Footer
- d. Sheet

**Câu 4:** Muốn tăng, giảm chữ số thập phân, ta chọn lệnh trong nhóm lệnh nào:

- a. Font
- b. Alignment
- c. Number
- d. Cả 3 đều sai.

**Câu 5:** Muốn định dạng màu chữ trong Excel, ta nháy chọn lệnh:

- a. Lệnh 
- b. Lệnh 
- c. Lệnh 
- d. Lệnh 

**Câu 6:** Muốn chọn tô màu nền các ô tính trong Excel, ta nháy chọn lệnh:

- a. Lệnh 
- b. Lệnh 
- c. Lệnh 
- d. Lệnh 

**Câu 7:** Muốn kẻ đường biên cho ô tính trong Excel, ta nháy chọn lệnh:

- a. Lệnh 
- b. Lệnh 
- c. Lệnh 
- d. Lệnh 

## 2. TỰ LUẬN

**Bài tập 1:** Lập bảng tính và lưu tên theo cú pháp: **STT\_HoTen\_Lop\_TongHop4.xlsx**

|    | A                        | B                | C              | D               | E                | F                 | G             | H              |
|----|--------------------------|------------------|----------------|-----------------|------------------|-------------------|---------------|----------------|
| 1  | <b>CỬA HÀNG BÁCH HÓA</b> |                  |                |                 |                  |                   |               |                |
| 2  | <b>STT</b>               | <b>TÊN HÀNG</b>  | <b>MÃ HÀNG</b> | <b>SỐ LƯỢNG</b> | <b>ĐƠN GIÁ</b>   | <b>CHIẾT KHẤU</b> | <b>T.TIỀN</b> | <b>Q. TẶNG</b> |
| 3  | 1                        | Sữa đặc          | HH3            | 150             | 22000            | 200000            | ?             | ?              |
| 4  | 2                        | Kẹo Cứng         | HP2            | 215             | 6000             | 550000            | ?             | ?              |
| 5  | 3                        | Đường Cát Trắng  | HP4            | 159             | 18000            | 150000            | ?             | ?              |
| 6  | 4                        | Gia vị niêm      | VD1            | 56              | 5300             | 65000             | ?             | ?              |
| 7  | 5                        | Cà Phê Bột       | HH3            | 86              | 40000            | 550000            | ?             | ?              |
| 8  | 6                        | Hạt nêm          | HP2            | 69              | 54000            | 250000            | ?             | ?              |
| 9  | 7                        | Tả Bobby         | VD1            | 169             | 275000           | 950000            | ?             | ?              |
| 10 | 8                        | Nước Ngọt        | HP4            | 206             | 98000            | 750000            | ?             | ?              |
| 11 |                          |                  |                |                 |                  |                   |               |                |
| 12 |                          | <b>THẤP NHẤT</b> |                | ?               | <b>BÌNH QUÂN</b> |                   | ?             |                |
| 13 |                          | <b>TỔNG CỘNG</b> |                | ?               | <b>CAO NHẤT</b>  |                   | ?             |                |

**Câu 1:** Tính **THẤP NHẤT** và **TỔNG CỘNG** của cột **SỐ LƯỢNG**, **BÌNH QUÂN** và **CAO NHẤT** của cột **ĐƠN GIÁ**.

→ Trả lời:

Ô D12 gõ:.....

Ô D13 gõ:.....

Ô G12 gõ:.....

Ô G13 gõ:.....

**Câu 2:** Tính **T.TIỀN** = **SỐ LƯỢNG** \* **ĐƠN GIÁ** - **CHIẾT KHẤU**

→ Trả lời: Ô G3 gõ:.....

**Câu 3:** Điền cột **Q. TẶNG** biết:

- Nếu Mã hàng là "VD1" thì Quà tặng là "Rổ Nhựa",
- Nếu Mã hàng là "HP2" thì Quà tặng là "Bột Ngọt",
- Nếu Mã hàng là "HP4" thì Quà tặng là "Ly Thủy Tinh",
- Ngược lại, để trống.

→ Trả lời: Ô H3 gõ:.....

**Câu 4:** Lọc ra 3 sản phẩm có chiết khấu cao nhất.

→ Trả lời:

**Các bước lọc 3 sản phẩm có chiết khấu cao nhất:**

Bước 1:.....

Bước 2:.....

Bước 3:.....

**Câu 5:** Vẽ biểu đồ hình cột biểu diễn **TÊN HÀNG** và **SỐ LƯỢNG**.

→ Trả lời:

**Các bước vẽ biểu đồ:**

**Bước 1:** Chọn miền dữ liệu:

-Chọn khối.....và khối.....

**Bước 2:** .....

**Bài tập 2:** Lập bảng tính và lưu tên theo cú pháp: **STT\_HoTen\_Lop\_TongHop5.xlsx**

|    | A                                   | B              | C                | D           | E          | F              | G                | H                |
|----|-------------------------------------|----------------|------------------|-------------|------------|----------------|------------------|------------------|
| 1  | <b>BẢNG ĐIỂM TUYỂN SINH ĐẠI HỌC</b> |                |                  |             |            |                |                  |                  |
| 2  | <b>STT</b>                          | <b>KHU VỰC</b> | <b>HỌ TÊN</b>    | <b>TOÁN</b> | <b>VĂN</b> | <b>TỰ CHỌN</b> | <b>TỔNG ĐIỂM</b> | <b>ĐIỂM CỘNG</b> |
| 3  | 1                                   | TN             | Hồng Hà Nhi      | 8           | 5          | 9              | ?                | ?                |
| 4  | 2                                   | HM             | Bùi Công Khanh   | 7           | 5          | 5              | ?                | ?                |
| 5  | 3                                   | Q5             | Châu Bạch Tuyết  | 10          | 9          | 7              | ?                | ?                |
| 6  | 4                                   | Q10            | Hứa Vỹ Văn       | 4           | 3          | 3              | ?                | ?                |
| 7  | 5                                   | HM             | Quách Tuấn Du    | 3           | 2          | 5              | ?                | ?                |
| 8  | 6                                   | Q7             | Văn Thị Hoài Thu | 5           | 6          | 5              | ?                | ?                |
| 9  | 7                                   | TN             | Hồ Hoài Anh      | 9           | 8          | 4              | ?                | ?                |
| 10 | 8                                   | HM             | Vũ Cát Tường     | 6           | 7          | 8              | ?                | ?                |
| 11 |                                     |                |                  |             |            |                |                  |                  |
| 12 |                                     |                | <b>CAO NHẤT</b>  |             |            |                | ?                |                  |
| 13 |                                     |                | <b>THẤP NHẤT</b> |             |            |                | ?                |                  |
| 14 |                                     |                | <b>TỔNG CỘNG</b> |             | ?          |                |                  |                  |
| 15 |                                     |                | <b>BÌNH QUÂN</b> |             | ?          |                |                  |                  |

**Câu 1:** Tính CAO NHẤT và THẤP NHẤT của cột TỔNG ĐIỂM, TỔNG CỘNG và BÌNH QUÂN của cột VĂN

→ Trả lời:

Ô G12 gõ:.....

Ô G13 gõ:.....

Ô E14 gõ:.....

Ô E15 gõ:.....

**Câu 2:** Điền TỔNG ĐIỂM = TOÁN + VĂN + TỰ CHỌN \* 2

→ Trả lời: Ô G3 gõ:.....

**Câu 3:** Điền ĐIỂM CỘNG biết

Nếu KHU VỰC là "TN" thì điền: 0.75

Nếu KHU VỰC là "HM" thì điền: 0.5

Còn lại là để trống

→ Trả lời: Ô H3 gõ:.....

**Câu 4:** Lọc 3 học sinh có TỔNG ĐIỂM cao nhất

→ Trả lời:

Các bước lọc 3 sản phẩm có chiếc khẩu cao nhất:

Bước 1:.....

Bước 2:.....

Bước 3:.....

**Câu 5:** Lập biểu đồ cột TOÁN, VĂN, TỰ CHỌN

→ Trả lời:

Các bước vẽ biểu đồ:

Bước 1: Chọn miền dữ liệu:

-Chọn khối....., khối.....và khối.....

Bước 2: .....

❖ **Lưu ý:**

\* **HỌC SINH** căn cứ vào **LÝ THUYẾT** để giải bài tập và thực hiện như sau:

- + Ghi chép lý thuyết vào vở. (đã ghi tuần trước thì không cần ghi lại nữa)
- + Phần **TRẮC NGHIỆM** → HS viết câu hỏi và đáp án đúng vào vở LT (Nếu tại nhà có máy in thì HS có thể in và làm bài trên bản in)
- + Phần **TỰ LUẬN** (trả lời trực tiếp trên Google Form)
- + **Xem Bài tập mẫu bên phần lý thuyết trước khi làm bài**

❖ **Mọi thắc mắc PHHS và HS vui lòng liên hệ theo GVBM giảng dạy của lớp:**

1. Cô Hà → zalo 0908281062

2. Cô Ý → zalo 0786771441

3. Cô Thủy → zalo 0908962965

4. Thầy Hiếu → zalo 0901486242